

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/DS-PT
Ngày 06 – 01 – 2022
V/v tranh chấp đòi quyền
sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiên

Các Thẩm phán: Ông Lê Quang Tân

Ông Trần Bá Kha

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Xương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Trịnh Văn Đương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 135/2021/TLPT-DS ngày 14 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp đòi quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 07 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 158/2021/QĐ-PT ngày 16 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phan Văn B (Công B), sinh năm 1939; địa chỉ: ấp O A, xã V1, huyện V, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phan Văn B: Bà Phan Ngọc L, sinh năm 1960; địa chỉ: ấp P, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Phan Thanh D, sinh năm 1968; nơi đăng ký HKTT: ấp O A, xã V1, huyện V, tỉnh Kiên Giang. Chỗ ở hiện nay: ấp O A, xã V1, huyện V, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Trần Thụy Q – Văn phòng Luật sư Thụy Q thuộc đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. NLQ1, sinh năm 1964; địa chỉ: ấp O A, xã V1, huyện V, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phan Phước NLQ1: Luật sư Bùi Thị T – Do Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang cử bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông NLQ1 (có mặt).

2. NLQ2, sinh năm 1962 (có đơn xin vắng mặt).

3. NLQ3, sinh năm 1974 (Có đơn xin vắng mặt).

4. NLQ5, sinh năm 1976 (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp O A, xã V1, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

5. NLQ4, sinh năm 1969; địa chỉ: ấp H, xã V2, huyện V, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Phan Thanh D – bị đơn; NLQ1 – người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Văn B là bà Phan Ngọc L trình bày:

Nguyên trước đây ông B có thửa đất diện tích 19.871m² và phần đất mặt tiền chiều ngang 100 mét, chiều dài từ mé kênh vào 150 mét, tọa lạc tại ấp Cái Nứa, xã V1, huyện V, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp O A, xã V1, huyện V, tỉnh Kiên Giang). Trước đây ông B có cho con trai là Phan Thanh D 15.000m², còn lại 4.871m² nhưng ông B vẫn để cho ông D quản lý sử dụng luôn phần đất 4.871m², sau này ông D làm giấy, nhưng khi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông D đã kê khai luôn phần 4.871m² của ông B vào phần 15.000m² nên ông D đã được cấp giấy là 19.4871m² nhưng không thông báo cho ông B biết. Ông B cũng không biết gì về việc ông D đã kê khai luôn phần đất của mình. Khi ông D thế chấp giấy chứng nhận vay tiền Ngân hàng rồi không trả được nợ nên Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết, khi đó ông B mới phát hiện phần đất của ông đã bị ông D kê khai nên có yêu cầu giải quyết, khi UBND V1 hòa giải, ông D cũng thừa nhận là còn 4 công đất của ông B, ông D chỉ đứng tên dùm. Do ông D thừa nhận như vậy nên ông B không khởi kiện trong vụ án tranh chấp với Ngân hàng, mà khi nào ông D trả sẽ nhận đất. Nhưng sau đó ông D không trả lại đất nên ông B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông D trả lại 4.871m².

Đồng thời ông B yêu cầu ông D trả lại phần đất mặt tiền chiều ngang là 35 mét, chiều dài là 150 mét. Phần đất này hiện nay ông D quản lý sử dụng và cho người khác thuê, còn giấy chứng nhận là của NLQ1 đứng tên giùm ông. Phần đất này trước đây chiều ngang 100 mét nhưng ông B đã để các con sử dụng là 65 mét. Thực tế phần đất của ông B là chiều ngang 35 mét chiều dài vào tới hậu, nhưng sau nay chỉ yêu cầu chiều dài là 150 mét.

Nay ông B chỉ yêu cầu ông D trả lại phần đất chiều ngang 35 mét, chiều dài 150 mét, sơ đồ vị trí theo trích đo địa chính của cơ quan chuyên môn lập ngày 05/3/2020, xin được rút yêu cầu khởi kiện đối với phần đất 4.871m², phần này cho luôn ông D sử dụng.

Bị đơn ông Phan Thanh D trình bày:

Đối với phần đất 4.871m² là ông B đã cho ông rồi, khi Ngân hàng yêu cầu giải quyết lần trước do bà L xúi dục nên ông mới trình bày là của ông B tại Ủy ban nhân dân xã. Sau này bà L căn cứ theo biên bản của xã để yêu cầu ông trả đất nên ông không đồng ý. Nhưng nếu đã rút yêu cầu thì ông không có ý kiến gì.

Đối với phần mặt tiền thì nguồn gốc cũng là đất của ông B, trước đây là 100 mét ngang và 1.000 mét dọc. Phần mặt tiền do NLQ1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nằm trong giấy của NLQ1. Chiều dài phần đất mặt tiền tính từ mé kênh lên bao nhiêu mét thì ông không nhớ chính xác, nhưng độ khoảng 150 mét, phần mặt tiền dính với phần đất ruộng mà ông đã được nhà nước cấp giấy. Ông không thống nhất yêu cầu của ông B, vì phần đất mặt tiền này ông đã quản lý sử dụng khoảng 30 năm, không ai tranh chấp, nay ông B chủ yếu bị bà L xúi dục nên mới yêu cầu, vì trước đây ông B cũng đã yêu cầu một lần nhưng sau đó rút đơn. Hơn nữa nếu như trả lại 35 mét đất chiều ngang mặt tiền cho ông B thì ông không còn đất mặt tiền không thể sử dụng đất phía trong hậu được. Trong khi đó trước khi xảy ra tranh chấp ông quản lý sử dụng thì không ai tranh chấp hay nói gì, ông cũng nhiều lần yêu cầu NLQ1 tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông nhưng NLQ1 không chịu. Nay ông không đồng ý yêu cầu của ông B.

NLQ1 trình bày:

Phần đất của cha ông (là ông B) trước đây là 100 mét chiều ngang, 1.000 mét dọc. Nhưng trong đó thì phần mặt tiền chiều ngang là 100 mét, nhưng chiều dài thì không tới 1.000 mét, chỉ độ khoảng trăm ngoài mét, mà cụ thể là bao nhiêu mét thì ông không nhớ chính xác. Vì trước đây từ mé kênh vào khoảng 150 mét là đúng, nhưng sau này xáng mức nông sông thì đất bị mất bớt, đồng thời ông D cũng đã ban ra một ít để sử dụng chung với vuông, hiện nay còn khoảng 40 - 50 mét. Ông xác định phần đất mặt tiền chiều ngang 100 mét toàn bộ đều là đất của ông B, trong đó ông B đã cho các con là 65 mét, còn lại 35 mét. Nhưng chỉ có 3 người con là bà H, ông D và ông quản lý sử dụng. Trước đây anh em có thống nhất giao cho ông D quản lý sử dụng phần đất giáp với phần của ông B và được quản lý sử dụng luôn phần đất của ông B (tức là giáp với đất NLQ3 bây giờ). Trước đây cũng có nghe ông B hứa sẽ cho ông D luôn phần mặt tiền của ông B đang được ông D quản lý. Nhưng gần đây ông B phát đơn yêu cầu, đầu tiên là

yêu cầu ông, sau này rút đơn và yêu cầu ông D vì ông B cho rằng ông D đang quản lý sử dụng. Về phần đất 4.871m² ông B đã rút đơn khởi kiện đối với ông D nên không có ý kiến.

Còn phần mặt tiền ông D cho rằng chiều dài vô bao nhiêu thì ông thống nhất chiều dài là bấy nhiêu. Thống nhất ý kiến của ông D. Nếu có căn cứ bị buộc trả đất thì ông đồng ý cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người đó vì ông chỉ đứng tên giữ ông B.

NLQ2 trình bày: Bà thống nhất ý kiến của NLQ1, không bổ sung gì thêm.

NLQ3, NLQ5 trình bày: Vợ chồng ông, bà có thuê phần đất của ông D, phần đất hiện đang tranh chấp với ông B. Trường hợp phần đất này giao cho ông B thì vợ chồng ông sẽ trả lại cho ông D để ông D trả cho ông B, không yêu cầu gì trong vụ án này.

NLQ4 trình bày: Bà vợ của ông D nhưng đã ly hôn. Do phần đất diện tích 4 công mà ông B yêu cầu ông D trả là của vợ chồng bà, trước đây đã bị thi hành án để trả nợ cho Ngân hàng. Đối với yêu cầu này của ông B, nếu ông D có ý kiến như thế nào thì bà cũng đồng ý.

Tại bản án sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 07 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn B về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với ông Phan Thanh D.

Xác định phần đất có diện tích đo thực tế 3902,5m² là của ông Phan Văn B.

Phần đất có tứ cận theo số liệu, vị trí cụ thể theo bản vẽ do Văn phòng đăng ký đất đai huyện V lập ngày 26/8/2020.

Buộc ông Phan Thanh D có nghĩa vụ thu hoạch, di dời tài sản có trên đất để giao trả phần đất trên cho ông B.

NLQ3, NLQ5 thu hoạch có trên mặt đất trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

NLQ1, NLQ2 có nghĩa vụ làm các thủ tục để tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B. Kiến nghị điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của NLQ1 tại thửa số 185, diện tích 19.849m² sau khi tách quyền sử dụng đất đối với phần đất trên giao cho ông Phan Văn B.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đòi quyền sử dụng đất của ông B đối với ông D diện tích 4.871m².

Án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

Ngày 13 tháng 5 năm 2021 bị đơn ông Phan Thanh D kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét và giải quyết bác toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn B, yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh huyện V, tuyên giữ nguyên hiện trạng đất cho ông tiếp tục sử dụng.

Ngày 24 tháng 5 năm 2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hủy bản án D sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 07/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện V, giữ nguyên hiện trạng đất cho ông D tiếp tục sử dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn ông Phan Thanh D thay đổi nội dung kháng cáo đồng ý nhận $\frac{1}{2}$ số đất đang tranh chấp diện tích 3.902,5m², nằm trong thửa số 185, tờ bản đồ số 3 đất tọa lạc tại ấp Cái Nứa (nay là ấp O A), xã V1, huyện V, tỉnh Kiên Giang do NLQ1 đứng tên, ông nhận $\frac{1}{2}$ diện tích đất tranh chấp giáp với phần đất của ông đang sử dụng, ông B nhận $\frac{1}{2}$ diện tích tranh chấp giáp với đất của NLQ3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có ý kiến thống nhất sự thỏa thuận của các đương sự là ông D được sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích đất tranh chấp, ông B được sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích đất tranh chấp.

NLQ1 cũng thay đổi nội dung kháng cáo đồng ý tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 3.902,5m² từ tên ông sang cho ông B, ông D theo thỏa thuận của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông B là $\frac{1}{2}$ diện tích tranh chấp và ông D là $\frac{1}{2}$ diện tích đất tranh chấp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Văn B là bà Phan Ngọc L thống nhất với ý kiến của ông D, NLQ1 thì ông B đồng ý trong phần tranh chấp 3.902,5m², nằm trong thửa số 185, tờ bản đồ số 3 đất tọa lạc tại ấp Cái Nứa (nay là ấp O A), xã V1, huyện V, tỉnh Kiên Giang, ông B nhận $\frac{1}{2}$ diện tích tranh chấp giáp với đất của NLQ3, ông D nhận $\frac{1}{2}$ diện tích đất tranh chấp giáp với phần đất của ông D đang sử dụng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng D sự.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Văn B là bà Phan Ngọc L với bị đơn ông Phan Thanh D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1 đã thống nhất: quyền sử dụng đất diện tích 3.902,5m² theo kết quả đo đạc thực tế, ông B, ông D, mỗi người được sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích đất. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: NLQ3, NLQ5, NLQ2, NLQ4 có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử vắng mặt những người nêu trên là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Văn B là bà Phan Ngọc L với bị đơn ông Phan Thanh D đã thống nhất như sau:

Các đương sự thống nhất biên bản xem xét, thẩm định chỗ của Tòa án nhân dân huyện V ngày 05/3/2020; tờ trích đo địa chính của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V, tỉnh Kiên Giang ngày 26/8/2020.

Các đương sự thống nhất: diện tích đất tranh chấp 3.902,5m² theo diện tích đo đạc thực tế có các cạnh như sau: cạnh 2 - 6 = 150m giáp đất ông Phan Thanh D; cạnh 6 - 8 = 17,50m giáp lộ liên ấp: 2,5m - xi măng; cạnh 8 - 5 giáp = 17,50m giáp lộ liên ấp: 2,5m - xi măng; cạnh 5 - 3 = 150m giáp đất NLQ3; cạnh 3 - 7 = 17,50m giáp đất ông Phan Thanh D; cạnh 7 - 2 = 17,50m giáp đất ông Phan Thanh D, giữa ông B với ông D mỗi người sử dụng ½ diện tích đất. Ông B nhận diện tích đất có cạnh 5 - 8 = 17,50m giáp lộ liên ấp: 2,5m - xi măng; cạnh 8 - 7 = 150m giáp đất ông Phan Thanh D (thỏa thuận đất được chia); cạnh 7 - 3 = 17,50m giáp đất ông Phan Thanh D không tranh chấp; cạnh 3 - 5 = 150m giáp đất NLQ3. Ông D nhận diện tích đất có cạnh 8 - 6 = 17,50m giáp lộ liên ấp: 2,5m - xi măng; cạnh 6 - 2 = 150m giáp đất ông Phan Thanh D; cạnh 2 - 7 = 17,50m giáp đất ông Phan Thanh D không tranh chấp; cạnh 7 - 8 = 150m giáp đất ông Phan Văn B (thỏa thuận đất được chia). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1 đồng ý tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ tên NLQ1 sang tên ông B và ông D theo đúng thỏa thuận mỗi người được ½ diện tích đất tranh chấp theo thỏa thuận của ông B và ông D.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự giữa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Văn B là bà Phan Ngọc L với bị đơn ông Phan Thanh D là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất: Chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát; sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Kiên Giang theo hướng công nhận sự thỏa thuận nêu trên của các đương sự.

[3] Án phí phúc thẩm: Bị đơn ông Phan Thanh D phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 đồng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1 không phải chịu án phí phúc thẩm vì NLQ1 là người có công cách mạng được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 300 Bộ luật Tố tụng D sự;

Áp dụng các Điều 100, 166, 203 của Luật Đất đai; Điều 12, Điều 26, khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn ông Phan Thanh D, NLQ1.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2021/DS-ST ngày 07 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Kiên Giang.

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn ông Phan Văn B với bị đơn ông Phan Thanh D.

2. Công nhận phần đất vườn (cây lâu năm) diện tích theo đo đạc thực tế 3.902,5m², nằm trong thửa số 185, tờ bản đồ số 3, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 06/3/2013 do NLQ1 đứng tên, đất tọa lạc tại ấp Cái Nửa (nay là ấp O A), xã V1, huyện V, tỉnh Kiên Giang. Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 05/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện V; tờ trích đo địa chính số 92 – 2020 ngày 26/8/2020 và tờ trích đo địa chính số 09 – 2022 ngày 06/01/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V, tỉnh Kiên Giang được phân chia như sau:

Nguyên đơn ông Phan Văn B được sử dụng phần đất có diện tích 1.951,2m², trong thửa số 185, tờ bản đồ số 3 phần đất được giới hạn bởi các cạnh 5 - 8 - 7 - 3, có số đo cụ thể như sau:

Cạnh 5 – 8 = 17,50m giáp lộ liên ấp: 2,5m - xi măng;

Cạnh 8 – 7 = 150m giáp đất ông Phan Thanh D (thỏa thuận đất được chia);

Cạnh 7 – 3 = 17,50m giáp đất ông Phan Thanh D không tranh chấp;

Cạnh 3 – 5 = 150m giáp đất NLQ3.

Bị đơn ông Phan Thanh D được nhận phần đất có diện tích 1.951,3m², trong thửa số 185, tờ bản đồ số 3 phần đất được giới hạn bởi các cạnh 8 - 6 - 2 - 7, có số đo cụ thể như sau:

Cạnh 8 – 6 = 17,50m giáp lộ liên ấp: 2,5m - xi măng;

Cạnh 6 – 2 = 150m giáp đất ông Phan Thanh D;

Cạnh 2 – 7 = 17,50m giáp đất ông Phan Thanh D không tranh chấp

Cạnh 7 – 8 = 150m giáp đất ông Phan Văn B (thỏa thuận đất được chia).

Tọa lạc ấp O A, xã V1, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của NLQ1 tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Văn B, ông Phan Thanh D.

NLQ1, NLQ2 làm các thủ tục để tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Văn B, ông Phan Thanh D. Cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của NLQ1 tại thửa số 185, tờ bản đồ số 3, diện tích 19.849m² sau khi tách quyền sử dụng đất đối với phần đất trên giao cho ông Phan Văn B và ông Phan Thanh D.

4. Buộc ông Phan Thanh D có nghĩa vụ thu hoạch, di dời tài sản có trên đất để giao trả phần đất trên cho ông Phan Văn B.

5. NLQ3, NLQ5 thu hoạch có trên mặt đất trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật để giao trả đất cho ông Phan Văn B, ông Phan Thanh D.

Trường hợp các đương sự không tự nguyện thi hành án thì người được thi hành án có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

6. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đòi quyền sử dụng đất của ông Phan Văn B đối với ông Phan Thanh D diện tích 4.871m² đất tọa lạc tại ấp O A, xã V1, huyện V, Kiên Giang.

7. Về án phí

Về án phí sơ thẩm: Ông Phan Thanh D chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Án phí phúc thẩm: Bị đơn ông Phan Thanh D phải chịu án là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 0004054 ngày 13 tháng năm 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan NLQ1 được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0004068 ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Kiên Giang.

8. Các chi phí tố tụng khác

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.266.000 đồng. Ông Phan Thanh D phải chịu chi phí là 3.266.000 đồng (ba triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn đồng). Ông Phan Văn B đã nộp xong, ông Phan Thanh D có nghĩa vụ giao trả số tiền 3.266.000 đồng cho ông Phan Văn B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án D sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện V;
- THA D sự huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhiên